

Câu 1: Dân tộc là gì?

- A. Là một hình thức cộng đồng người ra đời trên cơ sở quan hệ huyết thống.
- B. Là hình thức cộng đồng người ra đời trên cơ sở quan hệ hôn nhân.
- C. Là hình thức cộng đồng người ra đời trên cơ sở quan hệ lãnh thổ, kinh tế, văn hóa, chính trị.
- D. Là hình thức cộng đồng người ra đời trên cơ sở quan hệ hòa bình hữu nghị giữa người và người.

Câu 2: Hình thức cộng đồng người nào ra đời trước cộng đồng dân tộc?

- A. Thị tộc
- B. Thân tộc
- C. Huyết tộc
- D. Trưởng tộc

Câu 3: Thị tộc là hình thức cộng đồng người xuất hiện trong thời đại nào?

A. Công xã nguyên thủy

B. Chiếm hữu nô lệ

C. Phong kiến

D. Tư bản chủ nghĩa

Câu 4: Đặc trưng nào không thuộc về đặc trưng của dân tộc - tộc người?

A. Cộng đồng về ngôn ngữ

B. Có lãnh thổ chung

C. Các đặc điểm chung thuộc bản sắc văn hóa

D. Ý thức tự giác tộc người

Câu 5: Tiêu chí cơ bản nào để phân biệt sự khác nhau giữa các dân tộc - tộc người?

- A. Địa bản cư trú của dân tộc
- B. Trình độ phát triển của dân tộc
- C. Bản sắc văn hóa của dân tộc
- D. Chế độ chính trị của dân tộc

Câu 6: Sự khác nhau giữa các dân tộc - quốc gia và dân tộc – tộc người biểu hiện ở yếu tố nào?

- A. Lãnh thổ
- B. Kinh tế
- C. Văn hóa
- D. Xã hội

Câu 7: Đặc trưng nổi bật trong quan hệ giữa các dân tộc ở nước ta là:

- A. Là sự phân bố đan xen nhau, không một dân tộc nào có lãnh thổ riêng.
- B. Là sự cố kết dân tộc, hoà hợp dân tộc trong một cộng đồng thống nhất.
- C. Là có sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc.
- D. Là các dân tộc có bản sắc văn hoá riêng, đa dạng, phong phú.

Câu 8: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, dân tộc là quá trình phát triển lâu dài của xã hội loài người, trải qua các hình thức cộng đồng từ thấp đến cao, bao gồm:

- A. Thị tộc, bộ lạc, bộ tộc, dân tộc
- B. Bộ lạc, thị tộc, bộ tộc, dân tộc
- C. Bộ tộc, thị tộc, bộ lạc, dân tộc
- D. Dân tộc, thị tộc, bộ lạc, bộ tộc

Câu 9: Tiêu chí quan trọng nhất để phân định một tộc người và có vị trí quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi tộc người?

- A. Cộng đồng về ngôn ngữ
- B. Cộng đồng về văn hóa
- C. Ý thức tự giác tộc người
- D. Có chung nền văn hóa, tâm lý

Câu 10: Trong những đáp án dưới đây, đáp án nào không phải là dân tộc – tộc người ?

- A. Dân tộc Hoa
- B. Dân tộc Kinh
- C. Dân tộc Việt Nam
- D. Dân tộc Tày

Câu 11: Yếu tố nào quyết định đến thực hiện quyền bình đẳng dân tộc ?

- A. Xóa bỏ tình trạng chênh lệch trong sự phát triển kinh tế, văn hóa của các dân tộc.
- B. Xóa bỏ tình trạng giai cấp này áp bức giai cấp khác, trên cơ sở xóa bỏ chế độ tư hữu .
- C. Các nhà nước dân tộc có chủ trương, chính sách đúng đắn trong giải quyết quan hệ dân tộc.
- D. Các đảng chính trị có đường lối đúng đắn định hướng quan hệ dân tộc.

Câu 12: Nội dung nào không thuộc cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin?

- A. Các dân tộc có quyền bình đẳng
- B. Các dân tộc có quyền tự quyết
- C. Liên hiệp tất cả các dân tộc
- D. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc

Câu 13: Nội dung nào là quan trọng nhất trong cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin?

- A. Các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại
- B. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng
- C. Các dân tộc được quyền tự quyết
- D. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc

Câu 14: V.I. Lênin chủ trương “*Liên hiệp giai cấp công nhân các dân tộc*” trên cơ sở nào?

- A. Lợi ích của giai cấp công nhân các dân tộc
- B. Sự ra đời của giai cấp công nhân các dân tộc
- C. Nguồn gốc xã hội của giai cấp công nhân các dân tộc
- D. Ý thức đoàn kết của giai cấp công nhân các dân tộc

Câu 15: Trong chủ nghĩa xã hội, quan hệ dân tộc có xu hướng như thế nào?

- A. Ngày càng bất bình đẳng
- B. Ngày càng bình đẳng
- C. Xung đột giữa các dân tộc sâu sắc hơn
- D. Khác biệt giữa các dân tộc sẽ bị triệt tiêu

Câu 16: Một trong những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc là các dân tộc là:

- A. Hoàn toàn bình đẳng
- B. Mâu thuẫn với nhau
- C. Lệ thuộc vào nhau
- D. Tách ra thành lập quốc gia dân tộc độc lập

Câu 17: “Quyền tự do phân lập thành cộng đồng quốc gia dân tộc độc lập” là một trong những nội dung của nguyên tắc nào trong cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin?

- A. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng
- B. Các dân tộc được quyền tự quyết
- C. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc
- D. Liên hiệp công nhân một số dân tộc

Câu 18: Chỉ ra luận điểm không chính xác?

- A. Quyền bình đẳng dân tộc là cơ sở cho quyền tự quyết dân tộc.
- B. Quyền tự quyết dân tộc là ảo tưởng đối với các dân tộc kém phát triển.
- C. Quyền bình đẳng và quyền tự quyết dân tộc không tự nhiên mà có được.
- D. Quyền bình đẳng và quyền tự quyết dân tộc đi liền với nhau.

Câu 19: Một trong những nguyên nhân dẫn đến xu hướng liên hiệp dân tộc?

- A. Sự phát triển của lực lượng sản xuất và khoa học - công nghệ, nhu cầu liên minh về kinh tế, văn hóa, chính trị, quân sự.
- B. Nhu cầu giao lưu kinh tế, văn hóa, chính trị giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.
- C. Nhu cầu giải quyết mâu thuẫn về kinh tế, văn hóa, chính trị, quân sự giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.
- D. Nhu cầu thống nhất về lợi ích kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội về tay giai cấp tư sản.

Câu 20: Tác phẩm : " Về quyền dân tộc tự quyết " là của ai?

A. C.Mác

B. C.Mác và PH.Ăngghen

C. V.I Lênin

D. J.Xtalin

Câu 21: Việc dân tộc chỉ có mức dân số chỉ có vài trăm người sẽ gặp khó khăn gì?

A. Phát triển kinh tế.

B. Kết nối gắn bó cộng đồng với nhau.

C. Việc tổ chức cuộc sống, bảo tồn tiếng nói và văn hóa dân tộc.

D. Việc tổ chức cuộc sống, bảo tồn tiếng nói và văn hóa dân tộc, duy trì và phát triển nòi giống.

Câu 22: Các dân tộc chỉ vài số dân vài ba trăm người?

A. S'la, Pu péo, Rơ măm, Brâu, Ô đù

B. Tày, Thái, Mường, Khơ me, Mông

C. Kinh, Tày, Ô đù, S'la, Gia Rai

D. Ê đê, Khơ mú, Mạ, Chu Ru, Hrê

Câu 23: 53 dân tộc thiểu số Việt Nam chiếm bao nhiêu dân số?

A. 15,3 %

B. 14,3%

C. 12,4%

D. 20,5%

Câu 24: Có bao nhiêu đặc điểm dân tộc Việt Nam?

A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

Câu 25: Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm của dân tộc Việt Nam?

- A. Không có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người.
- B. Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển đồng đều.
- C. Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất.
- D. Các dân tộc ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng.

Câu 26: Nhiều dân tộc sống xen kẽ có thể tạo điều kiện thuận lợi gì?

- A. Tạo nên một nền văn hóa không thống nhất.
- B. Tạo điều kiện thuận lợi để một số dân tộc tăng cường hiểu biết lẫn nhau.
- C. Mở rộng giao lưu.
- D. Một mặt tạo điều kiện thuận lợi để các dân tộc tăng cường hiểu biết lẫn nhau, mở rộng giao lưu giúp đỡ nhau cùng phát triển và tạo nên một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng.

Câu 27: Việt Nam là nơi chuyển cư của nhiều dân tộc ở khu vực nào?

A. Đông Nam Á

B. Đông Á

C. Nam Á

D. Trung Á

Câu 28: Dân tộc Kinh chiếm bao nhiêu phần trăm dân số?

A. 87,3%

B. 81,2%

C. 85,7%

D. 79,2%

Câu 29: Nhận định nào sau đây là sai?

- A. Về văn hóa, trình độ dân trí, trình độ chuyên môn kỹ thuật của nhiều dân tộc thiểu số cao.
- B. Không có một dân tộc nào ở Việt Nam cư trú tập trung và duy nhất trên một địa bàn.
- C. Tính chất chuyển cư đã tạo nên bản đồ cư trú của các dân tộc trở nên phân tán, xen kẽ và làm cho các dân tộc ở Việt Nam không có lãnh thổ tộc người riêng.
- D. Trong văn hóa của mỗi dân tộc đều có những sắc thái độc đáo riêng góp phần làm cho nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng.

Câu 30: Nhận định nào sau đây đúng?

- A. Dân tộc mà số dân chỉ có hàng trăm sẽ không gặp khó khăn.
- B. Các dân tộc ở nước ta còn có sự chênh lệch khá ít về trình độ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.
- C. Việt Nam vốn là nơi chuyển cư của nhiều dân tộc ở khu vực Nam Á.
- D. Muốn thực hiện bình đẳng dân tộc, phải từng bước giảm, tiến tới xoá bỏ khoảng cách phát triển giữa các dân tộc về kinh tế, văn hóa, xã hội.

Câu 31: Quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước hiện nay:

- A. Chống lợi dụng vấn đề dân tộc để gây mất ổn định đất nước.
- B. Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- C. Thực hiện chính sách phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, thiết lập đời sống vật chất, tinh thần của các dân tộc Việt Nam.
- D. Chống kì thị, chống chia rẽ dân tộc.

Câu 32: Một trong những quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc là ?

- A. Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc đi đôi với cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới văn minh, tốt đẹp.
- B. Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc có ý nghĩa sâu sắc trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam.
- C. Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc đi đôi với phát triển cách mạng Việt Nam.
- D. Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam

Câu 33: Một trong những quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc là:

- A. Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết, tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo.
- B. Ưu tiên trong chính sách giáo dục, nhân lực cho các đồng bào vùng dân tộc thiểu số.
- C. Tập trung phát triển nhanh về văn hóa - xã hội cho các đồng bào vùng dân tộc thiểu số.
- D. Thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Câu 34: Chính sách dân tộc của Đảng, nhà nước Việt Nam gồm mấy lĩnh vực?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

Câu 35: Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam gồm lĩnh vực nào?

A. Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng

B. Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục

C. Chính trị, kinh tế, giáo dục, xã hội, an ninh quốc phòng

D. Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế

Câu 36: Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam về lĩnh vực văn hóa:

A. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, không ngừng đổi mới.

B. Hạn chế giao lưu văn hóa với các quốc gia, các khu vực và trên thế giới để giữ gìn nét đặc trưng của nền văn hóa nước ta.

C. Đào tạo cán bộ văn hóa. xây dựng môi trường, thiết chế văn hóa phù hợp với điều kiện của các tộc người trong quốc gia đa dân tộc.

D. Tiếp thu tất cả các nền văn hóa trên thế giới một cách không chọn lọc.

Câu 37: Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam về lĩnh vực xã hội:

- A. Thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội trong vùng kinh tế kém phát triển.
- B. Từng bước thực hiện bình đẳng xã hội, công bằng thông qua việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, dân số, y tế, giáo dục.
- C. Thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội ở những nơi công nghiệp phát triển cao.
- D. Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở và các tổ chức chính trị - xã hội ở trong vùng kinh tế kém phát triển.

Câu 38: Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta mang tính chất?

- A. Toàn diện, tổng hợp, bao trùm tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.
- B. Khách quan, bao trùm tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.
- C. Toàn diện, bao trùm tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.
- D. Tổng hợp, bao trùm tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Câu 39: Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta mang tính?

- A. Cách mạng và tiến bộ, tính nhân văn sâu sắc.
- B. Cách mạng và tiến bộ, đoàn kết.
- C. Cách mạng và tiến bộ, sáng tạo.
- D. Cách mạng và tiến bộ, tiên phong đi đầu.

Câu 40: Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam về lĩnh vực kinh tế:

- A. Nội dung, nhiệm vụ kinh tế trong chính sách dân tộc là các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - giáo dục - y tế miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.
- B. Từng bước tăng khoảng cách chênh lệch giữa các vùng, giữa các dân tộc.
- C. Nội dung, nhiệm vụ kinh tế trong chính sách dân tộc là các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.
- D. Thực hiện các nội dung kinh tế thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế ở các vùng gần khu công nghiệp, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Câu 41: Bản chất của tôn giáo là gì?

- A. Là sự phản ánh hiện thực khách quan và tồn tại xã hội.
- B. Là sự phản ánh thế giới quan của con người đối với xã hội.
- C. Là một hình thái ý thức xã hội nó phản ánh một cách hoang đường hư ảo cái hiện thực khách quan vào đầu óc con người. Tôn giáo thể hiện sự bất lực của con người trước tự nhiên và xã hội.
- D. Là sự phản ánh hiện thực chủ quan về sự tồn tại xã hội.

Câu 42: Cơ sở tồn tại của tôn giáo là gì?

- A. Nhận thức của con người đối với thế giới khách quan
- B. Niềm tin của con người
- C. Sự tưởng tượng của con người
- D. Tồn tại xã hội

Câu 43: Nguồn gốc kinh tế - xã hội của tôn giáo là?

- A. Trình độ kém phát triển của lực lượng sản xuất.
- B. Do sự phát triển về kinh tế, áp bức về chính trị của con người.
- C. Do sự thất vọng, bất lực của con người trước những bất công xã hội.
- D. Do sự phát triển nhanh về trình độ của lực lượng sản xuất.

Câu 44: Tôn giáo là một phạm trù lịch sử bởi vì?

- A. Là sản phẩm của con người.
- B. Là do điều kiện kinh tế - xã hội sinh ra.
- C. Tôn giáo ra đời, tồn tại và biến đổi trong một giai đoạn lịch sử nhất định của loài người.
- D. Tôn giáo sẽ tồn tại và phát triển cùng với sự phát triển của lịch sử nhân loại.

Câu 45: Khi nào thì tôn giáo mang tính chính trị?

- A. Phản ánh nguyện vọng của nhân dân.
- B. Khi các cuộc chiến tranh tôn giáo nổ ra.
- C. Khi các giai cấp thống trị đã lợi dụng và sử dụng tôn giáo để phục vụ lợi ích của mình.
- D. Khi các cuộc chiến tranh tôn giáo chấm dứt.

Câu 46: Số lượng tôn giáo lớn và số lượng tín đồ của các tôn giáo đó ở nước ta có khoảng bao nhiêu?

- A. 6 tôn giáo với khoảng 30 triệu tín đồ
- B. 6 tôn giáo với khoảng 20 triệu tín đồ
- C. 5 tôn giáo với khoảng 15 triệu tín đồ
- D. 6 tôn giáo với khoảng 25 triệu tín đồ

Câu 47: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: Tôn giáo là một hình thái ý thức – xã hội phản ánh một cách hoang đường, hư ảo..... khách quan. Qua sự phản ánh của tôn giáo, những sức mạnh tự phát trong tự nhiên và xã hội đều trở thành thần bí.

A. Thực tiễn

B. Hiện thực

C. Điều kiện

D. Cuộc sống

Câu 48: Tính chất của tôn giáo?

A. Tính lịch sử

B. Tính khoa học

C. Tính cập nhật

D. Tính hiện đại

Câu 49: Câu nói “ *Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân*” là của ai ?

A. Hêghen

B. Phơbach

C. C. Mác

D. Lê nin

Câu 50: Điền từ vào chỗ trống: Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do...và không ... của nhân dân.

A. Tôn giáo

B. Tín ngưỡng

C. Tín ngưỡng – tôn giáo

D. Tôn giáo – tín ngưỡng

Câu 51: Có mấy nguyên tắc giải quyết vấn đề về tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

A. 5

B. 4

C. 3

D. 2

Câu 52: Hiện nay tôn giáo nào ở Việt Nam có số lượng tín đồ đông nhất?

A. Phật giáo

B. Công giáo

C. Tín lành

D. Hồi giáo

Câu 53: Thế nào là quyền tự do tín ngưỡng?

A. Công dân có quyền theo hoặc không theo một tín ngưỡng hay một tôn giáo nào. Người đã theo một tín ngưỡng hay một tôn giáo nào đó có quyền thôi không theo nữa, hoặc bỏ để theo tín ngưỡng, tôn giáo khác mà không ai được cưỡng bức hoặc cản trở.

B. Công dân bắt buộc phải theo một tín ngưỡng hay một tôn giáo nào. Người đã theo một tín ngưỡng hay một tôn giáo nào đó có quyền thôi không theo nữa, hoặc bỏ để theo tín ngưỡng, tôn giáo khác mà không ai được cưỡng bức hoặc cản trở.

C. Công dân bắt buộc phải theo hai tín ngưỡng hay hai tôn giáo nào. Người đã theo một tín ngưỡng hay một tôn giáo nào đó có quyền thôi không theo nữa, hoặc bỏ để theo tín ngưỡng, tôn giáo khác mà không ai được cưỡng bức hoặc cản trở.

D. Công dân có quyền theo hoặc không theo một tín ngưỡng hay một tôn giáo nào. Người đã theo một tín ngưỡng hay một tôn giáo nào đó không có quyền thôi không theo nữa, hoặc bỏ để theo tín ngưỡng, tôn giáo khác mà không ai được cưỡng bức hoặc cản trở.

Câu 54: Theo chủ nghĩa Mác – Lênin muốn thay đổi ý thức xã hội trước hết phải thay đổi ?

A. Thay đổi bản thân tồn tại xã hội

B. Chính trị

C. Kinh tế

D. Văn hóa

Câu 55: Chủ nghĩa xã hội nghiên cứu vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo dưới góc độ nào?

A, Góc độ chính trị

B. . Hình thái ý thức xã hội

C. Tâm lý

D. Góc độ chính trị-xã hội, hình thái ý thức xã hội, tâm lý xã hội

Câu 56: Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tôn giáo còn tồn tại không?

A. Không tồn tại

B. Còn tồn tại nhưng biến đổi về nhiều mặt

C. Còn tồn tại nhưng không biến đổi nhiều mặt

D. Tồn tại

Câu 57: Hành vi nào dưới đây thể hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân?

- A. Cưỡng ép con cái đã thành niên theo tôn giáo mình đang theo.
- B. Khuyến nhủ người khác đi theo tôn giáo mình đang theo.
- C. Lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tín ngưỡng để xâm hại đến danh dự người khác.
- D. Xin phép quyền địa phương trước khi xây dựng đền chùa miếu thờ nhà thờ.

Câu 58: Hành vi nào sau đây thể hiện tín ngưỡng của người Việt Nam?

- A. Yểm bùa
- B. Thờ cúng tổ tiên
- C. Xem bói
- D. Lên đồng

Câu 59: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: Khắc phục dần những ảnh hưởng...của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

A. Tiêu cực

B. Tích cực

C. Hạn chế

D. Khó khăn

Câu 60: điền từ còn thiếu vào chỗ trống: Phân biệt hai mặt...và...của tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo.

A. Chính trị - chính trị

B. Chính trị - tư tưởng

C. Tư tưởng – tư tưởng

D. Tư tưởng – chính trị

Câu 61: Có mấy đặc điểm tôn giáo chính ở Việt Nam?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

Câu 62: Hiện nay Việt Nam có bao nhiêu tôn giáo được pháp luật công nhận tư cách pháp nhân?

A. 10

B. 11

C. 12

D. 13

Câu 63: Các tôn giáo ở Việt Nam có xung đột hay không ?

- A. Có xung đột
- B. Không có xung đột
- C. Tùy vào thời điểm mà sẽ diễn ra xung đột
- D. Đáp án khác

Câu 64: Các tôn giáo du nhập vào Việt Nam có chịu ảnh hưởng của bản sắc văn hóa tại Việt Nam không ?

- A. Một ít tôn giáo bị ảnh hưởng
- B. Đa số các tôn giáo đều bị ảnh hưởng
- C. Không tôn giáo nào bị ảnh hưởng
- D. Tất cả các tôn giáo đều bị ảnh hưởng

Câu 65: Đâu không phải là đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam ?

- A. Việt Nam là một quốc gia không có nhiều tôn giáo.
- B. Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài.
- C. Hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ.
- D. Tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc.

Câu 66: Trong các giai đoạn lịch sử, tín đồ các tôn giáo cùng với các tầng lớp nhân dân làm nên những thắng lợi to lớn, vẻ vang của dân tộc và có ước vọng sống “..., ...”.

- A. “hạnh phúc, ấm no”
- B. “tự do, thoải mái”
- C. “tốt đời, đẹp đạo”
- D. “an cư, lạc nghiệp”

Câu 67: Nhận định nào sau đây là *không đúng*?

- A. Việt Nam là nơi giao lưu của nhiều luồng văn hóa thế giới.
- B. Nước ta hiện nay có 15 tôn giáo đã được công nhận tư cách pháp nhân.
- C. Các tôn giáo ở Việt Nam có sự đa dạng về nguồn gốc và truyền thống lịch sử.
- D. Các tổ chức tôn giáo có nhiều hình thức tồn tại khác nhau.

Câu 68: Điền vào chỗ trống (...) trong giai đoạn hiện nay, hàng ngũ chức sắc các tôn giáo ở Việt Nam luôn chịu sự tác động của tình hình (...) trong và ngoài nước:

- A. Kinh tế - chính trị
- B. Kinh tế - xã hội
- C. Chính trị - xã hội
- D. Kinh tế - chính trị - xã hội

Câu 69: Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức tôn giáo ở nước ngoài không?

A. Số ít tôn giáo có quan hệ

B. Số nhiều tôn giáo có quan hệ

C. Tất cả tôn giáo

D. Không có tôn giáo nào có quan hệ

Câu 70: Trong giai đoạn hiện nay, nhà nước Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với bao nhiêu quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới ?

A. 50

B. 100

C. 150

D. 200

Câu 71: Tôn giáo là một phạm trù lịch sử có nghĩa là?

- A. Tôn giáo ra đời, tồn tại và biến đổi trong một giai đoạn lịch sử nhất định của loài người.
- B. Là do điều kiện kinh tế - xã hội sinh ra.
- C. Là sản phẩm của con người.
- D. Tôn giáo sẽ tồn tại và phát triển cùng với sự phát triển của lịch sử nhân loại.

Câu 72: Trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, sự phát triển của dân tộc diễn ra theo xu hướng nào?

- A. Xu hướng bình đẳng và đoàn kết tất cả các dân tộc
- B. Xu hướng độc lập dân tộc và liên hiệp dân tộc
- C. Xu hướng tôn trọng lợi ích của tất cả các dân tộc
- D. Xu hướng đáp ứng mọi nhu cầu dân tộc

Câu 73: Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam bao gồm bao nhiêu nội dung cơ bản?

A. 7

B. 8

C. 6

D. 5

Câu 74: Về phương diện thế giới quan, các tôn giáo mang thế giới quan nào sau đây?

A. Duy vật

B. Duy tâm

C. Duy nghiệm

D. Duy lý

Câu 75: Đâu không phải là nội dung của chính sách tôn giáo của Đảng Và Nhà nước Việt Nam?

- A. Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng
- B. Công tác tôn giáo là trách nhiệm của Đảng
- C. Vấn đề theo đạo và truyền đạo
- D. Đảng, nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc

Câu 76: Điền từ còn thiếu: Các tôn giáo hoạt động trong ... pháp luật, ... trước pháp luật.

- A. Khuôn khổ, bình đẳng
- B. Tự do, bình đẳng
- C. Khuôn khổ, bất bình đẳng
- D. Tự do, bất bình đẳng

Câu 77: Tín ngưỡng là gì?

- A. Là một hình thái ý thức xã hội phản ánh một cách hoang đường và hư ảo hiện thực khách quan vào đầu óc của con người.
- B. Là niềm tin mê muội, viển vông, không dựa trên một cơ sở khoa học nào.
- C. Là hệ thống những niềm tin, sự ngưỡng mộ, cũng như cách thức thể hiện niềm tin của con người trước các sự vật hiện tượng, lực lượng có tính thần thánh, linh thiêng để cầu mong sự che chở giúp đỡ.
- D. Là niềm tin của con người vào các lực lượng siêu nhiên.

Câu 78: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh một cách hoang đường và hư ảo ... khách quan vào đầu óc của con người.

A. Hiện thực

B. Thực tiễn

C. Điều kiện

D. Cuộc sống

Câu 79: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: Quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh dân tộc mình, quyền tự quyết định chế độ chính trị - xã hội và ... phát triển của dân tộc mình.

A. Cách thức

B. Con đường

C. Mục tiêu

D. Hình thức

Câu 80: Đâu không phải là chính sách của Đảng, Nhà nước ta đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay?

A. Thực hiện đoàn kết dân tộc, không phân biệt đối xử vì lý do tôn giáo.

B. Tôn giáo ở VN thường bị các thế lực phản động lợi dụng.

C. Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là vận động quần chúng nhân dân.

D. Vấn đề theo đạo và truyền đạo.

Câu 81: Chỉ ra luận điểm không chính xác ?

A. “ Liên hiệp giai cấp công nhân các dân tộc ” là nội dung quan trọng nhất trong Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin , bởi nó là giải pháp hữu hiệu để thực hiện quyền bình đẳng và quyền tự quyết dân tộc.

B. “ Liên hiệp giai cấp công nhân các dân tộc ” là nội dung quan trọng nhất trong Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin , bởi nó là hạt nhân đoàn kết các lực lượng cách mạng trong đấu tranh chống áp bức , bóc lột.

C. “ Liên hiệp giai cấp công nhân các dân tộc ” là nội dung quan trọng nhất trong Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin , bởi nó thể hiện rõ lập trường của giai cấp công nhân trong giải quyết quan hệ dân tộc.

D. “ Liên hiệp giai cấp công nhân các dân tộc ” là nội dung quan trọng nhất trong Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin , bởi nó thể hiện rõ xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa trong vấn đề dân tộc.

Câu 82: Theo chủ tịch Hồ Chí Minh, con đường để đấu tranh cho độc lập, tự do, chủ quyền của dân tộc Việt Nam là gì ?

A. Cách mạng phong kiến

B. Cách mạng tư sản

C. Cách mạng vô sản

D. Cách mạng không ngừng

Câu 83: Điền vào chỗ trống (...) để chính xác hóa một đặc trưng của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: Các (...) trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

A. Tổ chức

B. Gia đình

C. Tôn giáo

D. Dân tộc

Câu 84: Đặc điểm chủ yếu của các dân tộc trong quốc gia Việt Nam là gì ?

A. Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng , góp phần tạo nên sự phong phú , đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất.

B. Mỗi dân tộc đều có khu vực lãnh thổ riêng.

C. Mỗi dân tộc đều có chế độ chính trị riêng.

D. Mỗi dân tộc đều có nhà nước riêng.

Câu 85: Đoàn kết dân tộc có vị trí như thế nào trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam ?

A. Vị trí chiến lược

B. Vị trí hàng đầu

C. Vị trí chủ yếu

D. Vị trí xác định

Câu 86: Đoàn kết dân tộc cần được thực hiện gắn liền với điều gì ?

A. Chống tư tưởng kỳ thị, chia rẽ dân tộc

B. Chống tư tưởng độc lập dân tộc

C. Xóa bỏ sự khác biệt giữa các dân tộc

D. Xóa bỏ bản sắc riêng của các dân tộc

Câu 87: "*Quyền tự nguyện liên hiệp lại với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng*" là một trong những nội dung của nguyên tắc nào trong cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin ?

- A. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng
- B. Các dân tộc được quyền tự quyết
- C. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc
- D. Quyền của các dân tộc thiểu số

Câu 88: Một trong những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc là?

- A . Liên hiệp nông dân tất cả các dân tộc
- B. Liên hiệp trí thức tất cả các dân tộc
- C. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc
- D. Liên hiệp các giai cấp, tầng lớp trong một quốc gia

Câu 89: Nguyên tắc "*các dân tộc hoàn toàn bình đẳng*" được hiểu là quyền thiêng liêng của...

A. Các dân tộc

B. Các giai cấp

C. Các tầng lớp

D. Nhà nước

Câu 90: Chọn phương án đúng nhất: Trong nguyên tắc "*các dân tộc hoàn toàn bình đẳng*", quyền bình đẳng được hiểu là?

A. Các dân tộc có không quyền lợi như nhau.

B. Các dân tộc không có đặc quyền về kinh tế, chính trị, văn hóa, ngôn ngữ.

C. Các dân tộc có nghĩa vụ không như nhau.

D. Các dân tộc có quyền lợi như nhau và có nghĩa vụ như nhau có đặc quyền về kinh tế, chính trị, văn hóa.

Câu 91: Việt Nam có bao nhiêu dân tộc thiểu số?

A. 52

B. 53

C. 54

D. 51

Câu 92: Mặt chính trị phản ánh mối quan hệ giữa?

A. Tiến bộ với phản tiến bộ

B. Phát triển với không phát triển

C. Dân tộc với nhà nước

D. Giáo dục với văn hóa

Câu 93: Tôn giáo không phải là một hiện tượng xã hội bất biến, ngược lại, nó luôn luôn vận động và biến đổi không ngừng tùy thuộc vào những điều kiện nào?

A. Kinh tế, xã hội, lịch sử cụ thể

B. Xã hội, kinh tế

C. Văn hóa, kinh tế

D. Lịch sử, xã hội

Câu 94: Có mấy tính chất tôn giáo?

A. 4

B. 3

C. 2

D. 5

Câu 95: Một trong những quan điểm của đảng về vấn đề dân tộc là?

- A. Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành và toàn bộ hệ thống chính trị.
- B. Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nghĩa vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.
- C. Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của các cấp, các ngành và toàn bộ hệ thống chính trị.
- D. Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nghĩa vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành và toàn bộ hệ thống kinh tế - xã hội.

Câu 96: Nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng do?

- A. Hình thành ý thức sớm về một quốc gia độc lập, thống nhất.
- B. Các dân tộc đều có chung một lịch sử dựng nước và giữ nước, đều sớm hình thành ý thức về một quốc gia độc lập, thống nhất.
- C. Hội nhập các nền văn hóa từ các nước phương Tây.
- D. Hội nhập các nền văn hóa từ các nước phương Đông.

Câu 97: Có bao nhiêu xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc ?

A. 1

B. 4

C. 3

D. 2

Câu 98: Có bao nhiêu nguồn gốc tôn giáo?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 99: Có bao nhiêu tổ chức tôn giáo đã được công nhận về mặt tổ chức hoặc đã đăng kí hoạt động?

A. 30

B. 20

C. 40

D. Trên 40

Câu 100: Có bao nhiêu đặc điểm quan hệ dân tộc tôn giáo ở Việt Nam?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6